

Số: 23/2018/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1350/TNMT-TTr ngày 23/5/2018; Báo cáo thẩm định số 194/BC-STP ngày 21/5/2018 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chánh Thanh tra tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thanh tra Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó VP/UB tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, NC, TCD, NL₂

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Đặng Ngọc Sơn

QUY ĐỊNH

**Trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai,
quyết định công nhận hòa giải thành trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành có hiệu lực pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chủ tịch UBND các cấp; các bên tranh chấp; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc thi hành và cưỡng chế theo quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện việc cưỡng chế

1. Việc cưỡng chế quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận kết quả hòa giải thành phải căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ, điều kiện thi hành và tình hình thực tế địa phương; đảm bảo khách quan, công khai, dân chủ, tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Quy định này; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tính mạng, tài sản của các bên tranh chấp đất đai và của người tham gia cưỡng chế.

2. Tôn trọng sự thỏa thuận của các bên tranh chấp đất đai trong bất cứ giai đoạn nào của quá trình cưỡng chế nếu thỏa thuận đó không trái pháp luật và đạo đức xã hội, không xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác. Việc thỏa thuận của các bên tranh chấp phải được lập thành văn bản nêu rõ thời gian, địa điểm, nội dung thỏa thuận, có chữ ký của tất cả các bên tranh chấp và có xác nhận của UBND cấp xã nơi có đất tranh chấp, gửi cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật đất đai.

3. Thời điểm bắt đầu tiến hành cưỡng chế được thực hiện trong giờ hành chính. Không thực hiện cưỡng chế trong thời gian từ 22 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau; các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; trong thời gian 15 ngày trước và sau tết nguyên đán; các ngày truyền thống đối với các đối tượng

chính sách nếu họ là người bị cưỡng chế và các trường hợp đặc biệt khác làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, phong tục, tập quán tại địa phương.

Trường hợp Ban cưỡng chế nhận thấy nếu thi hành quyết định cưỡng chế sẽ ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự xã hội thì xem xét, trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tạm hoãn thi hành quyết định cưỡng chế.

4. Việc cưỡng chế chỉ được đình chỉ khi có quyết định bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 4. Điều kiện thực hiện cưỡng chế

Việc cưỡng chế chỉ được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau:

1. Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai hoặc quyết định công nhận hòa giải thành đã có hiệu lực thi hành mà các bên hoặc một trong các bên tranh chấp không chấp hành quyết định và đã được UBND cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất tranh chấp đã vận động, thuyết phục mà không chấp hành.

2. Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành đã được niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất tranh chấp.

3. Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai hoặc quyết định công nhận hòa giải thành đã có hiệu lực thi hành.

4. Người bị cưỡng chế đã nhận được Quyết định cưỡng chế.

Trường hợp người bị cưỡng chế từ chối không nhận quyết định cưỡng chế hoặc vắng mặt khi giao quyết định cưỡng chế thì UBND cấp xã lập biên bản.

Điều 5. Thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế

Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế.

Điều 6. Thời hạn cưỡng chế

Thời hạn cưỡng chế không quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ban hành quyết định cưỡng chế (không bao gồm thời gian quy định tại Khoản 2 Điều 9 Điều 11 của Quy định này, thời gian thực hiện các công việc quy định tại Điều 14 Quy định này).

Chương II

TRÌNH TỰ THỦ TỤC THỰC HIỆN CƯỖNG CHẾ

Điều 7. Xác minh về điều kiện bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế

1. Khi người phải chấp hành nhưng không chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành đã có hiệu lực pháp luật thì Chủ tịch UBND cấp huyện giao Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Phòng Tư pháp và cơ quan có liên quan tiến hành xác minh về các điều kiện

bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế.

2. Cơ quan được giao xác minh về điều kiện bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế có trách nhiệm:

a) Rà soát các điều kiện thực hiện cưỡng chế quy định tại Điều 4 Quy định này. Nếu điều kiện nào chưa đảm bảo thì đề nghị với cơ quan, tổ chức có liên quan hoặc UBND cấp xã nơi có đất tranh chấp thực hiện các công việc tương ứng để đảm bảo điều kiện đó.

b) Thu thập thông tin về người phải chấp hành bao gồm các thông tin về: tên, tuổi, địa chỉ, nhân thân, hoàn cảnh gia đình, sức khỏe, nơi cư trú, nơi công tác và một số thông tin khác nếu thấy cần thiết.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan lưu giữ hoặc có các thông tin về người phải chấp hành có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu khi nhận được yêu cầu, đề nghị của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

c) Khảo sát hiện trạng diện tích đất thuộc đối tượng cưỡng chế nhằm xác định rõ tình trạng của đất chuẩn bị cưỡng chế. Trường hợp trên đất cưỡng chế có tài sản, công trình xây dựng, vật kiến trúc khác thì phải xác định rõ số lượng, loại công trình, thời điểm hình thành, đồng thời xử lý như sau:

- Nếu tài sản, công trình, vật kiến trúc phát sinh sau khi có quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành thì lập biên bản yêu cầu người có tài sản, công trình xây dựng, vật kiến trúc khác tự tháo dỡ, di chuyển ra khỏi diện tích đất thuộc đối tượng cưỡng chế để phục vụ công tác cưỡng chế;

- Nếu tài sản, công trình, vật kiến trúc có trước khi có quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành thì làm việc với người có tài sản, công trình, vật kiến trúc để xác định rõ các yêu cầu của người có tài sản, công trình, vật kiến trúc đó, cụ thể:

+ Trường hợp người có tài sản, công trình, vật kiến trúc không có yêu cầu thì lập biên bản hoặc thông báo bằng văn bản yêu cầu người có tài sản, công trình, vật kiến trúc tự tháo dỡ, di chuyển ra khỏi diện tích đất thuộc đối tượng cưỡng chế để phục vụ công tác cưỡng chế;

+ Trường hợp người có tài sản, công trình, vật kiến trúc có yêu cầu về tài sản hoặc bồi thường thiệt hại thì báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện biết để chỉ đạo xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Kết thúc việc xác minh, chậm nhất sau 03 (ba) ngày làm việc cơ quan chủ trì xác minh phải có báo cáo bằng văn bản, đề xuất Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định việc cưỡng chế, thành lập Ban cưỡng chế. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Chủ tịch UBND cấp huyện phải ra quyết định cưỡng chế và thành lập Ban cưỡng chế.

Điều 8. Ban hành quyết định cưỡng chế, thành lập Ban cưỡng chế

1. Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế. Quyết định

cưỡng chế phải bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Căn cứ ban hành quyết định cưỡng chế.
- b) Căn cứ để thực hiện việc cưỡng chế.
- c) Họ, tên, số điện thoại, địa chỉ của người bị cưỡng chế.
- d) Nội dung cưỡng chế.
- đ) Thời gian, địa điểm thực hiện cưỡng chế.
- e) Trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập Ban cưỡng chế. Việc thành lập Ban cưỡng chế được thể hiện bằng quyết định riêng hoặc trong cùng quyết định cưỡng chế. Trường hợp thành lập Ban cưỡng chế trong cùng quyết định cưỡng chế thì quy định cụ thể quyền hạn, trách nhiệm của Ban cưỡng chế.

Thành phần Ban cưỡng chế gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp huyện là trưởng ban; Thành viên đại diện cho các cơ quan cấp huyện gồm: Thanh tra, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, xây dựng; đại diện Lãnh đạo UBND cấp xã nơi có đất.

Tùy theo tính chất của từng vụ việc cụ thể, ngoài các thành phần trên, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định bổ sung thành viên Ban cưỡng chế cho phù hợp với tình hình thực tế nhiệm vụ.

Điều 9. Gửi, niêm yết công khai quyết định cưỡng chế

1. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định cưỡng chế, Ban cưỡng chế có trách nhiệm gửi, niêm yết công khai quyết định cưỡng chế theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

2. Quyết định cưỡng chế được giao trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm (đối với trường hợp người bị cưỡng chế cư trú, công tác ngoài địa bàn tỉnh) và thông báo cho người bị cưỡng chế biết.

a) Đối với trường hợp Quyết định được giao trực tiếp thì việc giao nhận phải được lập thành biên bản. Trường hợp người bị cưỡng chế từ chối nhận quyết định cưỡng chế thì đại diện Ban cưỡng chế lập biên bản về việc từ chối nhận quyết định cưỡng chế có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, có đại diện thôn, khóm, xóm, bản, khu dân cư hoặc ít nhất 02 (hai) người chứng kiến và được coi là quyết định đã được bàn giao.

b) Đối với trường hợp gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày quyết định xử phạt đã được gửi qua đường bưu điện đến lần thứ ba mà bị trả lại do người cưỡng chế cố tình không nhận và quyết định cưỡng chế đã được niêm yết theo quy định tại khoản 3 Điều này hoặc có căn cứ cho rằng người bị cưỡng chế trốn tránh không nhận quyết định cưỡng chế thì coi như quyết định cưỡng chế đã được gửi cho người bị cưỡng chế.

c) Quyết định cưỡng chế phải được gửi cho các bên liên quan trong tranh chấp đất đai, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi

thực hiện việc cưỡng chế và các tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Niêm yết quyết định cưỡng chế:

a) Chậm nhất sau 3 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định cưỡng chế, Ban cưỡng chế phối hợp với UBND cấp xã nơi thực hiện việc cưỡng chế phải tổ chức niêm yết công khai quyết định cưỡng chế tại trụ sở UBND cấp xã và Nhà văn hóa hoặc địa điểm sinh hoạt công cộng của khối, thôn, xóm, bản, khu dân cư nơi thực hiện việc cưỡng chế trong vòng 07 (bảy) ngày liên tục kể từ ngày niêm yết;

b) Việc niêm yết và kết thúc niêm yết phải được lập thành văn bản có ký xác nhận của cơ quan tổ chức niêm yết.

Điều 10. Lập, phê duyệt kế hoạch cưỡng chế

1. Ban cưỡng chế lập kế hoạch cưỡng chế và chậm nhất sau 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định cưỡng chế, Ban cưỡng chế phải trình Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt kế hoạch cưỡng chế.

Kế hoạch cưỡng chế gồm các nội dung chính sau:

a) Mục đích, yêu cầu của việc cưỡng chế.

b) Thời gian, địa điểm, tiến độ thực hiện cưỡng chế.

c) Nội dung, đối tượng, phương pháp cưỡng chế.

d) Thành phần, lực lượng tham gia cưỡng chế.

đ) Phương tiện, công cụ phục vụ, hỗ trợ cưỡng chế.

e) Dự kiến các tình huống phát sinh và phương án ứng phó.

g) Chi phí thực hiện cưỡng chế và dự trù nguồn kinh phí ứng trước bảo đảm cho việc cưỡng chế.

h) Phương án bố trí nơi ở cho người phải di chuyển chỗ ở khi thực hiện cưỡng chế (nếu có).

i) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

2. Sau khi kế hoạch cưỡng chế được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, Ban cưỡng chế họp, phổ biến kế hoạch và phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên Ban cưỡng chế, thành phần, lực lượng trực tiếp cưỡng chế, thành phần, lực lượng tham gia cưỡng chế.

Điều 11. Vận động, thuyết phục, đối thoại với người bị cưỡng chế

Trước khi thực hiện cưỡng chế ít nhất 05 (năm) ngày làm việc, Ban cưỡng chế phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất tranh chấp đã vận động, thuyết phục người bị cưỡng chế chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành.

Trường hợp người bị cưỡng chế chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành thì Ban cưỡng chế lập biên bản ghi nhận việc chấp hành; việc thực hiện các nội dung trong quyết định được thực hiện ngay sau khi lập biên bản dưới sự giám sát của Ban cưỡng chế.

Trường hợp người bị cưỡng chế không chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành sau khi đã được vận động, thuyết phục thì Ban cưỡng chế tổ chức thực hiện cưỡng chế và buộc người bị cưỡng chế thực hiện các nội dung của quyết định.

Điều 12. Tiến hành cưỡng chế

1. Ban cưỡng chế thực hiện việc cưỡng chế với sự tham gia chứng kiến của đại diện Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp xã, đại diện khối, thôn, bản, khu dân cư nơi cưỡng chế.

Trước khi bắt đầu việc cưỡng chế, người chủ trì cưỡng chế đọc, công bố công khai nội dung quyết định cưỡng chế, biện pháp cưỡng chế, thời hạn thực hiện việc cưỡng chế; nêu rõ quyền và nghĩa vụ của người bị cưỡng chế, người thực hiện cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

Trường hợp người bị cưỡng chế vắng mặt tại buổi cưỡng chế, Ban cưỡng chế vẫn tiến hành cưỡng chế sau khi đã công bố quyết định cưỡng chế.

2. Ban cưỡng chế buộc người bị cưỡng chế và những người có liên quan ra khỏi khu đất cưỡng chế, di chuyển tài sản (*nếu có*) ra khỏi khu đất cưỡng chế. Nếu người bị cưỡng chế không tự di chuyển tài sản thì Ban cưỡng chế lập biên bản xác định rõ số lượng, chủng loại, tình trạng tài sản có xác nhận của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện thôn, xóm, khối, bản, khu dân cư và chữ ký hoặc điểm chỉ của người có tài sản, trường hợp người có tài sản từ chối ký biên bản thì người lập biên bản ghi rõ việc này và ký xác nhận; thực hiện việc di chuyển tài sản ra khỏi khu vực cưỡng chế. Người bị cưỡng chế có trách nhiệm quản lý tài sản của mình.

Trường hợp không có người nhận tài sản hoặc người bị cưỡng chế không nhận tài sản hoặc không có đủ điều kiện quản lý tài sản thì Ban cưỡng chế bàn giao tài sản đó cho UBND cấp xã nơi cưỡng chế quản lý theo quy định, đồng thời thông báo cho người có tài sản biết. Chi phí hợp lý liên quan đến việc vận chuyển, trông giữ, bảo quản tài sản do người bị cưỡng chế chi trả.

3. Ban cưỡng chế xác định ranh giới, mốc giới trên thực địa theo quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành; bàn giao quyền sử dụng phần diện tích đất tranh chấp cho bên được chỉ định trong quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành.

4. Ban cưỡng chế lập biên bản ghi lại toàn bộ diễn biến việc cưỡng chế, các tình huống phát sinh (*nếu có*). Biên bản phải có chữ ký của đại diện các lực lượng trực tiếp cưỡng chế, đại diện thôn, xóm, khối, bản, khu dân cư, người bị cưỡng chế, người chứng kiến; trường hợp người bị cưỡng chế từ chối ký biên bản thì người lập biên bản ghi rõ việc này và ký xác nhận.

Điều 13. Kết thúc việc cưỡng chế

Kết thúc việc cưỡng chế, Chủ tịch UBND cấp huyện giao các cơ quan chuyên môn thực hiện các công việc sau đây:

1. Lưu giữ hồ sơ cưỡng chế, bao gồm:

a) Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai hoặc quyết định công nhận hòa giải thành.

b) Báo cáo kết quả xác minh về các điều kiện bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế.

c) Quyết định cưỡng chế, Quyết định thành lập Ban cưỡng chế

d) Kế hoạch cưỡng chế được phê duyệt.

đ) Các biên bản giao, gửi, công khai, niêm yết quyết định cưỡng chế, thông báo thời gian cưỡng chế; biên bản tạm quản lý tài sản cưỡng chế; biên bản bàn giao bảo quản tài sản tạm quản lý và các biên bản khác.

e) Các biên bản đối thoại, vận động, thuyết phục người phải chấp hành, người bị cưỡng chế.

f) Biên bản cưỡng chế hoặc biên bản thỏa thuận thành của các bên tranh chấp hoặc biên bản ghi nhận chấp hành của người bị cưỡng chế.

g) Thông báo nhận tài sản (nếu có);

h) Hình ảnh, thiết bị ghi hình, ghi âm (nếu có) và các tài liệu khác có liên quan.

2. Sao gửi 01 (một) bộ hồ sơ liên quan đến cơ quan tài nguyên và môi trường cấp có thẩm quyền để thực hiện việc tham mưu việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

3. Ban cưỡng chế thông báo bằng văn bản về kết quả cưỡng chế cho người bị cưỡng chế và niêm yết kết quả cưỡng chế tại UBND cấp xã nơi có đất tranh chấp.

Chương III **TRÁCH NHIỆM CỦA** **CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN**

Điều 14. Trách nhiệm của các Sở, ngành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy định này.

b) Đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra UBND cấp huyện thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành của Chủ tịch UBND tỉnh.

c) Phối hợp chặt chẽ với các ngành, UBND cấp huyện hướng dẫn giải quyết vướng mắc trong quá trình giải quyết tranh chấp đất đai, hòa giải tranh chấp đất đai.

2. Thanh tra tỉnh

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện và các Sở, ngành liên quan hướng dẫn việc thực hiện giải quyết tranh chấp đất đai, hòa giải tranh chấp đất đai tại cơ sở.

3. Công an tỉnh

Chỉ đạo, tổ chức lực lượng nắm chắc diễn biến, tình hình liên quan các tổ chức, cá nhân phải cưỡng chế. Chỉ đạo Công an các huyện, thành phố, thị xã đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình thực hiện cưỡng chế.

4. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Hà Tĩnh

Phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong nhân dân, vận động người phải chấp hành tự nguyện chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và quyết định công nhận hòa giải thành trong tranh chấp đất đai.

5. Các Sở, ngành có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với UBND cấp huyện giải quyết các khó khăn, vướng mắc liên quan đến lĩnh vực của ngành khi UBND cấp huyện có yêu cầu.

Điều 15. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp huyện

1. Tổ chức cưỡng chế quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành đã có hiệu lực pháp luật; chỉ đạo tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành đã có hiệu lực.

2. Tiếp nhận, giải quyết các kiến nghị, phản ánh, khiếu nại có liên quan đến việc cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Trách nhiệm của Ban cưỡng chế

1. Xây dựng kế hoạch cưỡng chế; phân công cụ thể cho thành viên Ban cưỡng chế, cơ quan tham gia cưỡng chế, lập dự toán kinh phí phục vụ cho việc cưỡng chế chấp hành; tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế, kế hoạch cưỡng chế theo trình tự thủ tục quy định trong Quy định này.

2. Hoàn thiện hồ sơ cưỡng chế theo nhiệm vụ Chủ tịch UBND cấp huyện giao.

Điều 17. Trách nhiệm của UBND cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế

1. Phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan gửi, niêm yết công khai quyết định cưỡng chế, văn bản thông báo thời gian cưỡng chế; thông báo trên các phương tiện truyền thông tại địa phương về việc cưỡng chế; phối hợp cơ quan liên quan bố trí nơi ở tạm, hỗ trợ tìm nơi ở mới cho người bị cưỡng chế trong trường hợp phải di chuyển chỗ ở khi thực hiện cưỡng chế mà không còn chỗ ở nào khác và không tự tạo lập được chỗ ở mới.

2. Chấp hành quyết định cưỡng chế, kế hoạch cưỡng chế, phân công trách nhiệm của Ban cưỡng chế.

3. Cử lực lượng tham gia công tác cưỡng chế; phối hợp di chuyển người và tài

sản (nếu có) ra khỏi nơi cưỡng chế; bảo quản và lưu giữ tài sản của người bị cưỡng chế trong trường hợp không có người nhận tài sản hoặc người bị cưỡng chế từ chối nhận tài sản.

4. Các trách nhiệm khác khi được giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến trách nhiệm phối hợp cưỡng chế với Ban cưỡng chế và chịu trách nhiệm trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Điều khoản chuyển tiếp

Các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành ban hành trước ngày quy định này có hiệu lực nếu chưa thực hiện cưỡng chế thì thực hiện theo Quy định này.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc thì kịp thời thông tin, phản ánh, đề xuất gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Đặng Ngọc Sơn